

Số 662 /TTr-UBND

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 9 năm 2026

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ
phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định: “*Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xoá bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*”.

- Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Tỉnh ủy có nội dung: “*Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật (quy định về lĩnh vực đất đai, đầu tư, mua sắm công, thủ tục hành chính, sở hữu trí tuệ, thuế, tín dụng...) thuộc thẩm quyền của địa phương hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung để ban hành chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức đầu tư vào nghiên cứu và phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, ứng dụng công nghệ số, tháo gỡ các điểm nghẽn, các rào cản về thể chế, cơ chế chính sách và nguồn nhân lực, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển mang tính đột phá của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*”. Kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh tại phiên họp thứ nhất của Ban Chỉ đạo về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh: “*Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách của tỉnh để kịp thời điều chỉnh, bổ sung; ban hành các cơ chế chính sách mới đủ mạnh để thực hiện nhiệm vụ đột phá trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số*”. Chương trình công tác năm 2026 của Ban Chỉ đạo tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (Chương trình số 17-CTr/BCĐ ngày 13/02/2026): “*Chủ động rà soát, đánh giá, hoàn thiện cơ chế, chính sách, bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực chất. Hoàn thiện chính sách phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đến năm 2030*”.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là 1 trong 5 nhóm nhiệm vụ trọng tâm; chuyển đổi số là

1 trong 3 khâu đột phá của nhiệm kỳ 2026 - 2030, nhằm tạo động lực chính thúc đẩy Hà Tĩnh phát triển bền vững 2 con số trong giai đoạn mới.

b) Cơ sở pháp lý

- Điểm c khoản 1, khoản 4 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 quy định HĐND tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: *quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; quyết định chính sách, biện pháp nhằm phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương theo quy định của pháp luật; quyết định chính sách, biện pháp khuyến khích nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến; phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trên địa bàn theo quy định của pháp luật.*

- Điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định HĐND tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.*

- Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số quy định về hỗ trợ, ưu đãi dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số: *“2. Dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số được hỗ trợ kinh phí trực tiếp từ ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hoặc từ Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ số cho các hoạt động bao gồm: ...*

3. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này phù hợp với điều kiện của địa phương”.

- Điểm a, điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật) quy định HĐND tỉnh ban hành nghị quyết để quy định *“Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương”.*

Căn cứ các quy định nêu trên thì HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030 là phù hợp về thẩm quyền.

- Ngoài ra, dự thảo Nghị quyết còn được xây dựng dựa trên các cơ sở pháp lý sau:

- + Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
- + Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;
- + Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 70/2025/QH15;
- + Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH12; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa số 78/2025/QH15;
- + Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 36/2009/QH12, Luật số 42/2019/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 131/2025/QH15;

+ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 93/2025/QH15 và Luật số 115/2025/QH15;

+ Luật Công nghệ cao số 133/2025/QH15;

+ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

+ Các Nghị định của Chính phủ: số 265/2025/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; số 267/2025/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo; số 268/2025/NĐ-CP về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về đổi mới sáng tạo; khuyến khích hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; công nhận trung tâm đổi mới sáng tạo, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; công nhận cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; hạ tầng mạng lưới và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; số 127/2026/NĐ-CP về việc quy định về quản lý chất lượng và chính sách phát triển sản phẩm, dịch vụ Halal; số 22/2026/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; số 101/2026/NĐ-CP về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp để hướng dẫn thi hành Luật Chuyển giao công nghệ.

2. Cơ sở thực tiễn

- Giai đoạn 2021 - 2025, việc triển khai các chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh đã đạt nhiều kết quả tích cực, tỷ lệ giải ngân đạt khoảng 88,5%, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp và hỗ trợ quá trình chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo hướng dựa nhiều hơn vào tri thức, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, qua quá trình thực hiện đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế như: các chính sách được quy định phân tán ở nhiều văn bản khác nhau, gây khó khăn trong quá trình áp dụng; một số chính sách không còn phù hợp với quy định pháp luật và yêu cầu thực tiễn trong giai đoạn mới (như chính sách hỗ trợ nâng cao năng lực, kiến thức về khoa học và công nghệ đã được thực hiện từ nguồn chi thường xuyên theo Nghị định số 265/2025/NĐ-CP; một số nội dung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo...); đồng thời, một số chính sách hiện hành chưa đủ sức tạo động lực, cần được điều chỉnh, bổ sung để đáp ứng yêu cầu phát triển mới, như chính sách hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, hỗ trợ Tổ công nghệ số cộng đồng,...

- Bên cạnh đó, trước yêu cầu triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, cùng với các quy định mới của Trung ương và nhu cầu thực tiễn của địa phương, cần thiết nghiên cứu, bổ sung một số chính sách mới nhằm tạo động lực thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Trong đó, tập trung vào các chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong nước cho các đối tượng sở hữu trí tuệ; hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đầu tư máy móc, thiết bị; hỗ trợ tư vấn xây dựng, áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; hỗ trợ thử nghiệm mẫu và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hỗ trợ hình thành tổ chức đổi mới sáng

tạo và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ hình thành hạ tầng hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng; hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

- Đồng thời, để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XX, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Đề án chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030 và nhiều chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW như: Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Kế hoạch phát triển hoạt động đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch phát triển doanh nghiệp công nghệ số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026 – 2030. Các văn bản này đã xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh; trong đó, việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách hỗ trợ được xác định là một trong những giải pháp trọng tâm nhằm tạo hành lang pháp lý và nguồn lực để thúc đẩy phát triển trong giai đoạn tới.

Do vậy, việc trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý, chính trị và thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

Thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương nhằm thúc đẩy phát triển các lĩnh vực: sở hữu trí tuệ, thị trường khoa học và công nghệ; doanh nghiệp khoa học và công nghệ; xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; ứng dụng công nghệ sinh học; hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số góp phần thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

2. Mục tiêu

Đến năm 2030, thông qua chính sách: hỗ trợ ít nhất 400 nhãn hiệu, 20 kiểu dáng công nghiệp, 10 bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích và giống cây trồng mới; 30 doanh nghiệp đổi mới công nghệ; 130 cơ sở xây dựng, áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng; 170 cơ sở thử nghiệm mẫu và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; 100% thôn, tổ dân phố có Tổ công nghệ số cộng đồng hoạt động hiệu quả; thành lập 04 tổ chức đổi mới sáng tạo và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; 03 đơn vị đầu tư hạ tầng hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo; 95 dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.

3. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Các nội dung chính sách ban hành phải phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh và tình hình phát triển khoa học công nghệ trong nước.

- Đảm bảo nguồn lực để thực hiện chính sách trên cơ sở khả năng cân đối của ngân sách tỉnh bố trí hàng năm cho hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ (cơ quan soạn thảo Nghị quyết) thực hiện các bước theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể: sau khi Thường trực HĐND tỉnh đồng ý chủ trương, cơ quan soạn thảo đã xây dựng dự thảo Nghị quyết, lấy ý kiến của các Sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan để hoàn thiện dự thảo; đồng thời tổ chức họp lấy ý kiến trực tiếp đối với đại diện Hiệp Hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ, các doanh nghiệp công nghệ số trên địa bàn tỉnh; đồng thời đã xin ý kiến góp ý của một số chuyên gia, nhà khoa học đến từ các viện, trường và các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong và ngoài tỉnh¹. Sở Tư pháp đã thẩm định và cho ý kiến dự thảo Nghị quyết (03 lần); UBND tỉnh đã tổ chức 04 cuộc họp soát xét; Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe và cho ý kiến; Sở Khoa học và Công nghệ đã tiếp thu, hoàn thiện, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030 trong các lĩnh vực: sở hữu trí tuệ; phát triển khoa học và công nghệ; tổ chức khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số.

- Nghị quyết quy định chi tiết chính sách hỗ trợ kinh phí thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số theo khoản 3 Điều 29 Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15.

b) Đối tượng áp dụng

- Các đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh, hộ gia đình; tổ chức, cá nhân có liên quan đến các hoạt động thuộc phạm vi điều chỉnh được quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết.

- Các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện Nghị quyết.

2. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết gồm 05 Chương và 15 Điều, cụ thể như sau:

- Chương I. Quy định chung

Gồm 03 Điều, cụ thể:

+ Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

+ Điều 2. Giải thích thuật ngữ.

+ Điều 3. Nguyên tắc hỗ trợ.

- Chương II. Chính sách hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ

Gồm 04 Điều, nội dung kế thừa và có bổ sung, điều chỉnh từ các chính sách cũ, cụ thể:

+ Điều 4. Hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong nước cho các đối tượng sở hữu trí tuệ.

¹ Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Kinh tế - Đại học Quốc gia Hà Nội, Viện hoá học – Viện Hàn lâm quốc gia Việt Nam, Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ, Đại học Huế, Hiệp hội Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài; các chuyên gia: GS.TSKH Nguyễn Mại; Thứ trưởng Nguyễn Huy Dũng; PGS.TS Trần Đình Thiên,...

- + Điều 5. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đầu tư máy móc, thiết bị.
- + Điều 6. Hỗ trợ tư vấn xây dựng, áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng.
- + Điều 7. Hỗ trợ thử nghiệm mẫu và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.
- Chương III. Chính sách hỗ trợ hệ sinh thái đổi mới sáng tạo
Gồm 02 Điều, nội dung mới, cụ thể:
- + Điều 8. Hỗ trợ thành lập tổ chức đổi mới sáng tạo và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.
- + Điều 9. Hỗ trợ hình thành hạ tầng hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo.
- Chương IV. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi số
Gồm 02 Điều, cụ thể:
- + 01 Điều nội dung kế thừa và có bổ sung, điều chỉnh từ chính sách cũ: Điều 10. Hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng.
- + 01 Điều nội dung mới: Điều 11. Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số.
- Chương V. Trình tự, thủ tục, hồ sơ hỗ trợ và tổ chức thực hiện
Gồm 04 Điều, cụ thể:
- + Điều 12. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện hỗ trợ.
- + Điều 13. Nguồn kinh phí thực hiện.
- + Điều 14. Điều khoản thi hành.
- + Điều 15. Tổ chức thực hiện.

V. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT GỬI THẨM ĐỊNH

Sau khi tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, dự thảo Nghị quyết không bổ sung các nội dung mới.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện đảm bảo thi hành văn bản

- Nguồn kinh phí thực hiện các chính sách quy định tại Nghị quyết được bố trí từ ngân sách nhà nước phù hợp với khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tiễn của địa phương, cùng các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định.

- Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2026 - 2030 là 87.091,6 triệu đồng, bình quân 17.418,32 triệu đồng/năm (có Phụ lục kèm theo).

2. Thời gian trình thông qua

Kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên đề tháng 9 năm 2026.

Trên đây là Tờ trình về Dự thảo Nghị quyết quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2030, kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua.

(Hồ sơ trình dự thảo Nghị quyết gồm: Dự thảo Nghị quyết; Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Nghị quyết; Đánh giá tác động của chính sách; Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật; Bản so sánh Thuyết minh dự thảo Nghị quyết; Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình các ý kiến góp ý và một số tài liệu liên quan khác).

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 656/TTr-UBND ngày 22/9/2025 của UBND tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: KH&CN, Tư pháp, Tài chính;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm TT&XT, HTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, VX₁.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Bá Hà

Phụ lục
Dự kiến kinh phí thực hiện chính sách giai đoạn 2026 - 2030

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Tại Điều	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I		CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ				46.905.000
1	Điều 4	Hỗ trợ đăng ký bảo hộ trong nước cho các đối tượng sở hữu trí tuệ				5.600.000
		Hỗ trợ thiết kế, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu	Đơn	400	12.000	4.800.000
		Hỗ trợ đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp	Đơn	20	15.000	300.000
		Hỗ trợ đăng ký bảo hộ sáng chế/ giải pháp hữu ích và giống cây trồng mới	Đơn	10	50.000	500.000
2	Điều 5	Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, đầu tư máy móc, thiết bị				16.800.000
		Hỗ trợ kinh phí đầu tư dây chuyền máy móc, thiết bị mới	Cơ sở	24	450.000	10.800.000
		Hỗ trợ kinh phí thực hiện chuyển giao công nghệ thuộc đối tượng được chuyển giao theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ	Cơ sở	3	2.000.000	6.000.000
3	Điều 6	Hỗ trợ tư vấn xây dựng, áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng				10.100.000
		Hỗ trợ kinh phí tư vấn xây dựng, áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế cho hợp tác xã	Hệ thống	130	50.000	6.500.000
		Hỗ trợ kinh phí tư vấn xây dựng, áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế cho doanh nghiệp	Hệ thống	60	60.000	3.600.000
4	Điều 7	Hỗ trợ thử nghiệm mẫu và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật				4.150.000
		Hỗ trợ kinh phí thử nghiệm mẫu và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn của nước xuất khẩu, tiêu chuẩn Halal, tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ	Sản phẩm	170	20.000	3.400.000
		Hỗ trợ kinh phí thử nghiệm mẫu, chứng nhận và công bố sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật địa phương	Sản phẩm	30	25.000	750.000
II		CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO				6.600.000

5	Điều 8	Hỗ trợ thành lập tổ chức đổi mới sáng tạo và tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo	Đơn vị	4	150.000	600.000
6	Điều 9	Hỗ trợ hình thành hạ tầng hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo				6.000.000
III		CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHUYỂN ĐỔI SỐ				43.841.600
7	Điều 10	Hỗ trợ hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng (0,8 triệu đồng/ Tổ/ tháng x 51 tháng x 827 Tổ)	Tổ	827	40.800	33.741.600
8	Điều 11	Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo trong công nghiệp công nghệ số				10.100.000
		Chi phí nghiên cứu và phát triển; sản xuất thử nghiệm	Dự án	15	300.000	4.500.000
		Chi phí tư vấn khởi nghiệp	Dự án	40	40.000	1.600.000
		Chi phí mua công nghệ và đổi mới công nghệ	Dự án	40	100.000	4.000.000
		TỔNG CỘNG				87.091.600